

DANH SÁCH CÁC HỘ GIA ĐÌNH BỊ ẢNH HƯỞNG**Dự án: Đường QH từ ĐT. 673 đến trường TH-THCS Nguyễn Huệ****Địa điểm: Xã Xốp, tỉnh Quảng Ngãi***(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND xã Xốp)*

Tờ BĐĐC khu đất tỷ lệ 1/2000 chỉnh lý năm 2026								Tờ BĐĐC lập năm 2016						Ghi chú
STT	Tên chủ sử dụng đất	TBD khu đất	Số thửa	Loại đất	Diện tích (m2)	Diện tích thu hồi (m2)	Địa chỉ chủ sử dụng đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Loại đất	Diện tích (m2)	Số GCN	Ngày cấp	
1	UBND xã Xốp	24	1064	DGT	472,40	32,60	Thôn Mô Mam, xã Xốp	24	1064	DGT				
2	Vũ Đình Quang	24	1293	ONT+HNK	1.092,30	421,40	Thôn Kon Brôi, xã Xốp	24	1188	CLN	2568,4	GCNQSD đất số AA02759924		
3	Y Nhêm	34	79	LUK	628,80	380,30	Thôn Kon Brôi, xã Xốp	34	79	LUK	752			
4	A Hoi	34	80	LUK	375,10	287,50	Thôn Kon Brôi, xã Xốp	34	80	LUK	969,3			
5	A Hải	34	127	HNK	3.229,40	750,70	Thôn Kon Brôi, xã Xốp	34	127	NHK	2820,2			
6	Lê Quang Hùng	34	128	CLN	12.997,80	590,10	Thôn La Lua, xã Xốp	34	128	CLN	13063,9	GCNQSD đất số DH 827852		
7	Cao Văn Trung	34	153	CLN	2.984,40	242,10	Thôn La Lua, xã Xốp	34	153	CLN	3102,3	GCNQSD đất số AA00951939		
8	Lê Quang Hùng	34	171	CLN	19.171,50	13,30	Thôn La Lua, xã Xốp	34	171	CLN	19587,1	GCNQSD đất số DH 827852		
9	Cao Văn Trung	34	172	CLN	5.238,60	44,20	Thôn La Lua, xã Xốp	34	172	CLN	5149,3	GCNQSD đất số AA00951940		
10	Trường tiểu học và THCS Nguyễn Huệ	34	217	DGD	9.745,60	27,00	Thôn La Lua, xã Xốp	34	217	DGD	9918,1			
11	UBND xã Xốp	34	250	DTL	80,00	54,00	Thôn Mô Mam, xã Xốp	34	250	DTL				
12	Lê Thị Năm	34	252	CLN	10.879,30	740,40	Thôn 14B, xã Đăk Pék	34	252	CLN	10544,8			
13	UBND xã Xốp	34	324	DGT	2.402,40	1.675,30	Thôn Mô Mam, xã Xốp	34	324	DGT	3220,8			
14	Vũ Đình Quang	34	1321	LUK	140,50	27,20	Thôn Kon Brôi, xã Xốp	34	13	LUK	1045			
15	A Hải	34	1322	LUK	375,30	122,40	Thôn Kon Brôi, xã Xốp	34						
16	UBND xã Xốp	34	1323	DTT	8.662,80	30,60	Thôn Mô Mam, xã Xốp	34	290	CLN	8942,8			
17	Lê Thị Năm	34	1324	CLN	1.878,40	37,60	Thôn 14B, xã Đăk Pék	34						
Tổng					80.354,60	5.476,70								

DS kèm theo thông báo